

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÃ TỈNH KHÊ

Số: 01/2025/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tỉnh Khê, ngày 01 tháng 8 năm 2025

### NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân,  
Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân,  
Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân  
Xã Tỉnh Khê, Khoá XIII, nhiệm kỳ 2021-2026**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025; Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc chỉ định Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân xã Tỉnh Khê, nhiệm kỳ 2021-2026;*

*Xét Tờ trình số 08/TTr-TT HĐND của Thường trực HĐND xã ngày 28 tháng 7 năm 2025; Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Tỉnh Khê, Khoá XIII, nhiệm kỳ 2021-2026.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Tỉnh Khê khoá XIII, nhiệm kỳ 2021-2026.

#### **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Tịnh Khê khoá XIII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 01 tháng 8 năm 2025./.*

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh (BC);
- Sở Tư pháp;
- TT Đảng uỷ, TT HĐND xã;
- UBND xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các thôn;
- Lưu: VT, TT HĐND( nat).

**CHỦ TỊCH****Trương Thanh Thảo**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÃ TỈNH KHÊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ LÀM VIỆC  
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TỈNH KHÊ  
KHOÁ XIII, NHIỆM KỲ 2021-2026**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND  
Ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tinh Khê)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc tổ chức kỳ họp; nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc; quan hệ công tác và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND) xã Tinh Khê khoá XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thường trực HĐND, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND xã và các cơ quan, tổ chức liên quan.

**Chương II**

**TỔ CHỨC KỲ HỌP HĐND XÃ**

**Điều 3. Kỳ họp HĐND xã**

1. HĐND xã họp mỗi năm ít nhất hai kỳ (tổ chức vào tháng 7 và tháng 12 hằng năm).
2. Họp chuyên đề theo yêu cầu của Thường trực HĐND, UBND hoặc 1/3 tổng số đại biểu, hoặc theo kiến nghị của cử tri có chữ ký từ 10% trở lên.
3. Họp công khai, trừ trường hợp quyết định họp kín theo luật định.

**Điều 4. Chủ tọa kỳ họp**

Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã điều hành kỳ họp theo Chương trình.

**Điều 5. Trách nhiệm của đại biểu**

- Dự đầy đủ kỳ họp; phát biểu đúng nội dung, thời gian;
- Nghiên cứu tài liệu, giữ gìn tài liệu mật;
- Chấp hành nội quy kỳ họp, đeo phù hiệu đại biểu.

**Điều 6. Khách mời**

Khách mời dự họp thực hiện theo yêu cầu Thường trực HĐND và phải tuân thủ quy định tại kỳ họp.

## **Điều 7. Biểu quyết của HĐND**

1. HĐND quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình bằng hình thức biểu quyết. Việc biểu quyết có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo Quy chế làm việc của HĐND.

2. Nghị quyết của HĐND được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu HĐND biểu quyết tán thành; riêng nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu HĐND được thông qua khi có ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu HĐND biểu quyết tán thành.

## **Điều 8. Bầu các chức danh của HĐND, Ủy ban nhân dân (UBND)**

1. HĐND xã bầu Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban của HĐND trong số đại biểu HĐND theo danh sách đề cử chức vụ từng người của Thường trực HĐND.

Tại kỳ họp thứ nhất, HĐND bầu Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban của HĐND trong số các đại biểu HĐND theo đề nghị của Thường trực HĐND khóa trước.

Trường hợp khuyết Thường trực HĐND xã thì Thường trực HĐND tỉnh chỉ định chủ tọa kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã; HĐND bầu Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban của HĐND trong số đại biểu HĐND theo giới thiệu của chủ tọa kỳ họp.

2. HĐND xã bầu Chủ tịch UBND theo giới thiệu của Chủ tịch HĐND; bầu Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND theo giới thiệu của Chủ tịch UBND xã. Thành viên của UBND không nhất thiết là đại biểu HĐND.

3. Kết quả bầu Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND xã phải được Thường trực HĐND tỉnh phê chuẩn. Kết quả bầu Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND xã phải được Chủ tịch UBND tỉnh phê chuẩn.

4. Khi HĐND tiến hành bầu các chức danh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu có đại biểu HĐND ứng cử hoặc giới thiệu thêm người ứng cử ngoài danh sách đã được cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu thì Thường trực HĐND trình HĐND xem xét, quyết định; riêng tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa HĐND thì chủ tọa kỳ họp trình HĐND xem xét, quyết định.

5. Người giữ chức vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ngay sau khi được HĐND bầu.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bầu Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Thường trực HĐND xã phải gửi kết quả bầu đến cơ quan, người có thẩm quyền để phê chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều này.

## **Điều 9. Việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND bầu**

1. HĐND xã thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND bầu theo quy định của Quốc hội.

2. Người được HĐND bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ thì có thể xin thôi giữ chức vụ hoặc xin từ chức. Người xin thôi giữ chức vụ hoặc xin từ chức phải làm đơn và gửi đến cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu HĐND đã bầu chức vụ đó.

Căn cứ ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền về phân cấp quản lý cán bộ, cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu HĐND đã bầu chức vụ đó trình HĐND, trong thời gian HĐND không họp thì trình Thường trực HĐND cùng cấp phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ hoặc cho từ chức đối với người có đơn xin thôi giữ chức vụ hoặc có đơn xin từ chức.

Trưởng Ban của HĐND, Ủy viên UBND xã chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND xã theo phạm vi, thẩm quyền được giao trình HĐND, trong thời gian HĐND không họp thì trình Thường trực HĐND cùng cấp xem xét, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của HĐND, Ủy viên UBND.

Thường trực HĐND báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất đối với trường hợp cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức quy định tại khoản này.

3. HĐND xã miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban của HĐND xã theo đề nghị của Thường trực HĐND xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 6 Điều này.

4. HĐND xã miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch UBND xã theo đề nghị của Chủ tịch HĐND; miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND xã theo đề nghị của Chủ tịch UBND, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều này.

5. Kết quả HĐND xã miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND xã phải được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 8 phê chuẩn.

6. Trường hợp người được HĐND xã bầu được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu hoặc từ trần thì không phải thực hiện thủ tục miễn nhiệm tại HĐND. Thường trực HĐND báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất đối với trường hợp không thực hiện thủ tục miễn nhiệm quy định tại khoản này.

#### **Điều 10. Tạm đình chỉ, thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bãi nhiệm và mất quyền đại biểu HĐND**

1. Thường trực HĐND quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND trong các trường hợp sau đây:

a) Đại biểu HĐND bị khởi tố;

b) Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của đại biểu HĐND, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên đối với đại biểu HĐND là cán bộ, công chức, viên chức hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã có văn bản đề nghị tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND đối với đại biểu HĐND đó.

2. Đại biểu HĐND được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp khác khi cơ quan có thẩm quyền có quyết định, kết luận về việc không có vi phạm, không xử lý kỷ luật, quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

Trường hợp đại biểu HĐND bị xử lý kỷ luật thì tùy theo tính chất, mức độ có thể xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu hoặc Thường trực HĐND xem xét, quyết định việc cho tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu hoặc đề nghị HĐND bãi nhiệm đại biểu HĐND.

3. HĐND hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian HĐND không họp xem xét, chấp thuận việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND trong các trường hợp sau đây:

a) Đại biểu HĐND không còn công tác tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu và không cư trú tại đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu;

b) Theo đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác.

4. Việc Thường trực HĐND tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND, chấp thuận việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này phải được báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.

5. Đại biểu HĐND không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu HĐND và không còn xứng đáng với sự tin nhiệm của Nhân dân thì bị HĐND hoặc cử tri bãi nhiệm.

- Thường trực HĐND quyết định việc đưa ra HĐND bãi nhiệm đại biểu HĐND hoặc theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp đưa ra để cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND.

- Trong trường hợp HĐND bãi nhiệm đại biểu HĐND thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu HĐND biểu quyết tán thành.

- Trình tự cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

6. Đại biểu HĐND bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án thì đương nhiên mất quyền đại biểu HĐND kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

7. Đại biểu HĐND đã thôi làm nhiệm vụ đại biểu, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bị mất quyền đại biểu thì đương nhiên thôi đảm nhiệm các chức vụ trong Thường trực HĐND, Ban của HĐND.

## **Điều 11. Thư ký kỳ họp HĐND**

1. Thư ký kỳ họp HĐND có từ 01 đến 02 thành viên (là đại biểu HĐND xã) do Chủ tọa kỳ họp đề xuất, chỉ định tại mỗi kỳ họp.

2. Thư ký kỳ họp có trách nhiệm:

- Lập danh sách đại biểu HĐND có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

- Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

- Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại các phiên họp của HĐND;

- Giúp Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp;

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐND hoặc Chủ tọa kỳ họp.

### **Chương III**

#### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**

##### **Điều 12. Cơ cấu tổ chức HĐND**

1. HĐND gồm Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND.

2. HĐND xã thành lập Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội.

##### **Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND xã**

HĐND xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 và các luật khác có liên quan.

### **Chương IV**

#### **THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**

##### **Điều 14. Chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc làm việc**

1. Thường trực HĐND xã là cơ quan thường trực của HĐND xã; thực hiện nhiệm vụ theo Điều 31 và 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025.

2. Thường trực HĐND xã làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.

3. Thường trực HĐND xã phân công đại biểu HĐND trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tiếp xúc cử tri tại thôn và giúp Thường trực HĐND tiếp nhận thông tin, trao đổi, thảo luận tại kỳ họp HĐND xã.

4. Nhiệm kỳ của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND theo nhiệm kỳ của HĐND cùng cấp. Khi HĐND hết nhiệm kỳ, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi HĐND khóa mới bầu ra Thường trực HĐND, các Ban của HĐND khóa mới.

##### **Điều 15. Nhiệm vụ của thành viên Thường trực**

Thường trực HĐND gồm Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND và các Ủy viên là Trưởng Ban của HĐND, thực hiện nhiệm vụ theo Điều 31 và 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025.

- Thường trực HĐND xã có thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong Thường trực và các Ban của HĐND xã.

- Chủ tịch HĐND: Điều hành, chủ tọa kỳ họp, ký ban hành văn bản, xử lý công việc chung.

- Phó Chủ tịch HĐND: Giúp Chủ tịch, điều hành khi Chủ tịch vắng mặt, phụ trách công tác cụ thể theo phân công.

- Ủy viên Thường trực (Trưởng các Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Kinh tế - Ngân sách): Chủ trì hoạt động Ban, tham mưu, giám sát, thẩm tra theo lĩnh vực.

## **Chương V**

### **CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**

#### **Điều 16. Tổ chức và nguyên tắc hoạt động Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội**

- Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội là 2 Ban chuyên trách của HĐND, làm việc theo nguyên tắc tập thể; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác của Ban trước Thường trực và HĐND xã.

- Thường trực HĐND xã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

- Hằng năm, căn cứ chương trình hoạt động, chương trình giám sát của HĐND xã, các Ban của HĐND xây dựng chương trình công tác của mình.

- Các Ban họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật. Các thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban.

- Thực hiện công tác phối hợp theo Quy chế phối hợp do Thường trực HĐND xã ký với UBND, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

- Báo cáo kết quả công tác với HĐND xã vào kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm; báo cáo công tác (hàng tuần, tháng, quý) với Thường trực HĐND theo Quy chế này.

#### **Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn**

1. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình HĐND, giám sát, đề xuất chương trình giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND.

2. Tham mưu soạn thảo, chỉnh lý nghị quyết.

3. Được quyền từ chối thẩm tra nếu hồ sơ không đầy đủ, không đúng thời hạn.

## **Điều 18. Thành viên Ban**

Mỗi Ban có Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, các Ủy viên là đại biểu HĐND. Nhiệm kỳ 2021 - 2026, ngoài Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, cơ cấu mỗi Ban có 03 Ủy viên.

### **1. Trưởng Ban**

- Chủ trì các cuộc họp của Ban (họp định kỳ hoặc đột xuất).
- Phân công, giám sát công việc của Phó Trưởng Ban và các Ủy viên theo quy định tại các điều khoản như Điều 32 (về Thường trực HĐND).
- Chịu trách nhiệm thẩm tra kỹ lưỡng các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan lĩnh vực do Ban phụ trách.
- Tổ chức và chỉ đạo khảo sát, giám sát chuyên đề, đảm bảo hiệu quả trong việc giám sát hoạt động của UBND xã và các tổ chức, cá nhân khác.
- Ký ban hành các văn bản, kết luận, đề nghị, nghị quyết do Ban xây dựng.
- Triệu tập họp Ban, quyết định chương trình, nội dung họp theo thẩm quyền.

### **2. Phó Trưởng Ban**

- Giúp Trưởng Ban điều hành công việc; hoạt động theo cơ chế tập thể, chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và HĐND xã.
- Thẩm tra các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trong lĩnh vực phụ trách;
- Phối hợp, giúp Trưởng Ban tổ chức và điều hành hoạt động của Ban (họp, khảo sát, giám sát);
- Ký văn bản, triệu tập họp Ban, điều hành khi được ủy quyền hoặc thay mặt Trưởng Ban vắng mặt;
- Tham gia xây dựng chương trình công tác, kế hoạch thẩm tra, khảo sát, giám sát hằng năm của Ban. Tổ chức và tham gia giám sát, khảo sát, theo lĩnh vực do Ban phân công.
- Tham dự kỳ họp HĐND, tiếp xúc cử tri, góp ý trong các phiên họp của Thường trực HĐND và các Ban;
- Giúp thực hiện kiểm phiếu tín nhiệm, bãi nhiệm theo luật định;
- Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận trong Thường trực HĐND, UBND xã, Văn phòng HĐND và UBND để triển khai hiệu quả các nội dung công việc.

### **3. Ủy viên**

Tham gia hoạt động của Ban theo phân công, dành ít nhất 1/3 thời gian làm việc cho hoạt động HĐND.

## **Điều 19. Thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết**

1. Các Ban của HĐND xã thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết theo sự phân công của Thường trực và HĐND xã.

2. Trình tự Phiên họp thẩm tra được thực hiện như sau:

- + Đại diện lãnh đạo cơ quan có báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình bày;
- + Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- + Các thành viên của Ban thảo luận;
- + Đại diện lãnh đạo cơ quan có báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình bày, giải trình bổ sung;
- + Chủ tọa phiên họp kết luận;
- + Các thành viên Ban biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

3. Nội dung báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra và đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, phương án xử lý của cơ quan chủ trì thẩm tra đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

4. Quy trình thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết tại kỳ họp thường lệ như sau:

a) Chậm nhất là 18 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, cơ quan trình báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết gửi toàn bộ hồ sơ, tài liệu theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Thường trực HĐND xã và các Ban của HĐND xã để phân công thẩm tra.

b) Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, giấy mời dự Hội nghị thẩm tra và các tài liệu thẩm tra (bản giấy hoặc bản điện tử) được gửi đến các thành viên của Ban và các đại biểu được mời dự.

c) Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, các Ban của HĐND xã tiến hành tổ chức Hội nghị thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết được phân công.

d) Chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, báo cáo thẩm tra của Ban của HĐND xã được các thành viên của Ban thông qua và gửi đến Thường trực HĐND xã để báo cáo.

đ) Tài liệu liên quan kỳ họp được gửi đến đại biểu HĐND xã chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề.

5. Thời gian thực hiện quy trình thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp bất thường bằng 1/3 thời gian quy định tại khoản 4 Điều này.

## **Chương VI**

### **TỔ ĐẠI BIỂU VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**

#### **Điều 20. Hoạt động của Tổ Đại biểu**

1. Tổ đại biểu HĐND do Thường trực HĐND xã quyết định thành lập trên cơ sở số lượng đại biểu được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành.

2. Hợp định kỳ 6 tháng/lần.

3. Tổ trưởng điều phối hoạt động tổ, tổng hợp ý kiến cử tri;

4. Phối hợp tổ chức giám sát, tiếp xúc cử tri;

5. Tổ phó giúp việc theo phân công.

6. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu HĐND xã, chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND xã là cơ sở xác nhận tính pháp lý của văn bản do Tổ đại biểu HĐND xã ban hành (*Điều 5 Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội*).

3. Trách nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên

a) Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu, bao gồm:

Chủ trì các cuộc họp tổ, tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu và các thành viên dự họp để phản ánh với Thường trực HĐND huyện.

Phối hợp với Thường trực HĐND, UBND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri.

Phân công đại biểu tổng hợp ý kiến cử tri đối với những điểm tiếp xúc có từ 02 đại biểu trở lên cùng tham dự; đôn đốc đại biểu trong tổ gửi báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri về Thường trực HĐND huyện đúng thời hạn.

Tổ chức và phân công các thành viên trong tổ thực hiện một số nội dung giám sát về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của HĐND huyện trên địa bàn ứng cử, triển khai hoạt động giám sát của Tổ đại biểu đối với nội dung được Thường trực HĐND huyện phân công. Báo cáo kết quả giám sát về Thường trực HĐND huyện; có văn bản kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Tổ phó giúp Tổ trưởng điều hành hoạt động của tổ theo phân công của Tổ trưởng.

### **Điều 21. Đại biểu HĐND xã**

1. Đại biểu HĐND bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND.

2. Đại biểu HĐND có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp HĐND, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND; trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu HĐND không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực HĐND phải báo cáo HĐND để bãi nhiệm đại biểu HĐND đó.

3. Đại biểu HĐND phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với HĐND, các cơ quan, tổ chức hữu quan; bảo vệ quyền và lợi

ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

4. Đại biểu HĐND thực hiện tiếp công dân; tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

5. Đại biểu HĐND có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương; quyền kiến nghị HĐND bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND bầu, tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp kín hoặc phiên họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

6. Đại biểu HĐND có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do HĐND bầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật này. Người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách những người ứng cử.

7. Đại biểu HĐND có quyền chất vấn Chủ tịch UBND, các thành viên khác của UBND, người đứng đầu cơ quan thuộc UBND cùng cấp, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

8. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu HĐND có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

9. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu HĐND có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

10. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu HĐND, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu HĐND nếu không có sự đồng ý của HĐND hoặc của Thường trực HĐND trong thời gian HĐND không họp. Trường hợp đại biểu HĐND bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để HĐND hoặc Thường trực HĐND xem xét, quyết định.

11. Trong kỳ họp HĐND, đại biểu HĐND xã có những nhiệm vụ sau đây:

a) Nghiêm túc chấp hành nội quy kỳ họp;

b) Tham gia thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND xã;

c) Biểu quyết những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp theo sự điều hành của Chủ tọa kỳ họp.

d) Khi dự kỳ họp HĐND xã, đại biểu HĐND xã phải đeo phù hiệu đại biểu và ngồi đúng vị trí quy định. Trong giờ họp không sử dụng điện thoại di động, để điện thoại ở chế độ rung, không trao đổi chuyện riêng, hạn chế đi lại, không ra ngoài làm việc riêng hoặc để trả lời phỏng vấn của phóng viên (việc trả lời phỏng vấn thực hiện vào giờ nghỉ của các phiên họp).

đ) Tại phiên khai mạc, bế mạc, đại biểu mặc trang phục áo dài (hoặc vest nữ) đối với đại biểu nữ; áo sơ mi thắt cà vạt (hoặc veston) đối với đại biểu nam.

e) Khi đi họp, đại biểu mang theo tài liệu đã được gửi trước và quản lý, sử dụng tài liệu kỳ họp theo quy định, không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung các phiên họp kín của HĐND xã. Đại biểu có trách nhiệm nghiên cứu trước tài liệu và tích cực tham gia ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

g) Tại phiên họp toàn thể, đại biểu có ý kiến phát biểu phải đăng ký trước với Thư ký kỳ họp, hoặc giao tay để đăng ký phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa kỳ họp mới được phát biểu. Mỗi đại biểu có thể phát biểu nhiều lần, mỗi lần không quá 10 phút. Chủ tọa kỳ họp có quyền nhắc đại biểu nếu phát biểu không đúng trọng tâm nội dung thảo luận hoặc quá thời gian quy định.

12. Nhiệm kỳ của đại biểu HĐND theo nhiệm kỳ của HĐND. Đại biểu HĐND được bầu bổ sung bắt đầu làm nhiệm vụ đại biểu từ ngày khai mạc kỳ họp tiếp sau cuộc bầu cử bổ sung đến ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất của HĐND khóa mới.

## **Chương VII**

### **HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND, THƯỜNG TRỰC HĐND, CÁC BAN HĐND XÃ**

#### **Điều 22. Nguyên tắc giám sát**

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
2. Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả.
3. Không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

#### **Điều 23. Thẩm quyền giám sát**

1. HĐND xã giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND xã; giám sát hoạt động của Thường trực HĐND xã, UBND xã; giám sát quyết định của UBND xã và những tổ chức, cá nhân do HĐND xã giao nhiệm vụ.

2. Thường trực HĐND xã giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND xã; giám sát hoạt động của UBND xã, các cơ quan thuộc UBND xã; giám sát quyết định của UBND xã; giúp HĐND xã thực hiện quyền giám sát theo sự phân công của HĐND.

3. Các Ban của HĐND xã giúp HĐND xã giám sát hoạt động của UBND xã, các cơ quan thuộc UBND xã thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Ban phụ trách và theo sự phân công của Thường trực và HĐND xã.

#### **Điều 24. Chương trình giám sát hằng năm**

1. Thường trực HĐND xã dự kiến chương trình giám sát hằng năm của HĐND xã trên cơ sở đề nghị của các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, Ban Thường trực Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và kiến nghị của cử tri ở địa phương trình HĐND xã xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

- Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và cử tri ở địa phương gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của HĐND đến Thường trực HĐND. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

- Chậm nhất là 30 ngày, Bộ phận giúp việc HĐND xã (Văn phòng HĐND xã) tập hợp, tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực HĐND xã.

- Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của HĐND, Thường trực HĐND xã thảo luận và lập Tờ trình dự kiến chương trình giám sát của HĐND để trình HĐND xem xét, quyết định.

2. HĐND xã quyết định chương trình giám sát, khảo sát hằng năm theo trình tự sau đây:

- Thường trực HĐND xã trình bày tờ trình về dự kiến chương trình giám sát, khảo sát;

- HĐND xã thảo luận và biểu quyết thông qua nghị quyết về chương trình giám sát, khảo sát của HĐND xã.

3. Thường trực HĐND xã ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của HĐND, trừ trường hợp quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND về giám sát chuyên đề của HĐND.

4. Thường trực, các Ban của HĐND xã có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của HĐND xã tại kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm sau của HĐND.

### **Điều 25. Hoạt động giám sát của HĐND xã**

1. Xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND xã, UBND xã và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 59 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 5 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Xem xét quyết định của UBND xã, nghị quyết của HĐND xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã.

4. Giám sát chuyên đề.

5. Giám sát việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND xã bầu.

### **Điều 26. Hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND xã**

1. Xem xét quyết định của UBND xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND 2015 trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND xã.

3. Giám sát, khảo sát chuyên đề.

4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND xã (nếu có).

5. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

6. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

**Điều 27. Hoạt động giám sát, khảo sát của các Ban của HĐND và Tổ đại biểu HĐND xã**

1. Thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết do HĐND, Thường trực HĐND phân công.

2. Giám sát quyết định của UBND xã.

3. Giám sát, khảo sát chuyên đề.

4. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

**Điều 28. Hoạt động giám sát của đại biểu HĐND và Tổ đại biểu HĐND xã**

1. Đại biểu HĐND giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a) Chất vấn Chủ tịch UBND, thành viên khác của UBND, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND xã

b) Giám sát quyết định của UBND xã.

c) Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương;

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

2. Tổ đại biểu HĐND xã giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã tại địa phương hoặc về các vấn đề do HĐND hoặc Thường trực HĐND phân công; tổ chức để đại biểu HĐND thực hiện hoạt động giám sát.

**Điều 29. Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương**

1. Đại biểu HĐND xã thường xuyên theo dõi, xem xét việc thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Tổ đại biểu HĐND tổ chức để đại biểu HĐND giám sát việc thi hành pháp luật trên địa bàn nơi đại biểu ứng cử.

3. Tổ đại biểu HĐND có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thông báo nội dung, kế hoạch giám sát cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 07 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát;

b) Mời đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia giám sát.

4. Khi tiến hành giám sát, khảo sát, đại biểu HĐND xã có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát, khảo sát;
- b) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì đại biểu HĐND xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; trường hợp cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc đại biểu HĐND không đồng ý với việc giải quyết thì đại biểu HĐND xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét giải quyết;
- c) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, khảo sát, đại biểu HĐND xã báo cáo kết quả giám sát với Thường trực HĐND xã.

### **Điều 30. Xem xét báo cáo**

1. Tại kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm HĐND xã xem xét, thảo luận các báo cáo sau:
  - a) Báo cáo công tác 06 tháng, năm của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã, UBND xã.
  - b) Báo cáo của UBND xã về kinh tế - xã hội; về thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; về công tác phòng, chống tham nhũng; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri.
  - c) Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;
  - d) Báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực HĐND xã.
2. Tại kỳ họp tổng kết cuối nhiệm kỳ, HĐND xã xem xét, thảo luận các báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực HĐND, Ban của HĐND xã, UBND xã.
3. Theo sự phân công của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ báo cáo của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã.
4. HĐND xã xem xét, thảo luận báo cáo theo trình tự sau đây:
  - a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo hoặc người được người đứng đầu cơ quan uỷ quyền trình bày báo cáo;
  - b) Trưởng Ban của HĐND xã trình bày báo cáo thẩm tra;
  - c) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan mà HĐND xã quan tâm;
  - d) HĐND xã thảo luận; có thể ra nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo.
5. Nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo phải có những nội dung cơ bản sau đây:
  - a) Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập; trách nhiệm của cơ quan có báo cáo và người đứng đầu;

- b) Thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;
- c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân;
- d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về giám sát.

### **Điều 31. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật**

#### **1. HĐND xã**

a) HĐND xã xem xét quyết định của UBND xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của mình theo đề nghị của Thường trực HĐND.

b) HĐND xã xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này theo trình tự sau đây:

- Đại diện Thường trực HĐND xã trình bày tờ trình;
- HĐND xã thảo luận.
- Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;
- HĐND xã ra nghị quyết về việc xem xét văn bản.

c) Nghị quyết của HĐND xã phải xác định văn bản quy phạm pháp luật trái hoặc không trái với Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã; trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã thì quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

#### **2. Thường trực HĐND xã**

a) Xem xét các quyết định của UBND xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã;
- Theo đề nghị của Ban của HĐND xã, đại biểu HĐND xã;
- Theo đề nghị của UBND xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

b) Các Ban của HĐND xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã thuộc lĩnh vực phụ trách theo sự phân công của Thường trực HĐND. Riêng đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, giao cho Ban Văn hóa - Xã hội chủ trì thẩm tra.

c) Thường trực HĐND xã xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này theo trình tự sau đây:

- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có đề nghị trình bày;
- Trưởng hoặc Phó các Ban của HĐND xã trình bày báo cáo thẩm tra;
- Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật báo cáo, giải trình;
- Thường trực HĐND xã thảo luận;
- Chủ tọa cuộc họp kết luận.

đ) Khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã thì Thường trực HĐND xã có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; trường hợp cơ quan ban hành văn bản không thực hiện yêu cầu thì Thường trực HĐND xã trình HĐND xã xem xét, quyết định.

### 3. Các Ban HĐND xã

a) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của UBND xã.

b) Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã thì các Ban HĐND xã có quyền yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản phải thông báo cho các Ban của HĐND xã biết việc giải quyết; nếu quá thời hạn này mà không trả lời hoặc giải quyết không đáp ứng với yêu cầu thì các Ban của HĐND xã có quyền kiến nghị với Thường trực HĐND xã xem xét, quyết định.

### 4. Đại biểu HĐND xã

a) Có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét nội dung quyết định của UBND xã.

b) Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã thì đại biểu HĐND xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật.

c) Nội dung yêu cầu của đại biểu HĐND xã phải được lập thành văn bản gửi tới Thường trực HĐND xã và Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND xã.

## **Điều 32. Giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND xã**

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND xã yêu cầu thành viên của UBND xã, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia giải trình vấn đề mà Thường trực HĐND xã quan tâm.

- Việc tổ chức giải trình, nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình và người được yêu cầu giải trình do Thường trực HĐND xã quyết định.

- Người được yêu cầu có trách nhiệm báo cáo, giải trình theo yêu cầu của Thường trực HĐND.

- Đại biểu HĐND được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại phiên giải trình. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học có thể được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại phiên giải trình.

2. Nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND xã được thông báo cho cá nhân được yêu cầu giải trình chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình.

3. Phiên giải trình được tổ chức công khai (nếu có) và có thể được truyền thanh trực tiếp theo quyết định của Thường trực HĐND xã.

4. Phiên giải trình được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Chủ tọa nêu nội dung yêu cầu giải trình, người có trách nhiệm giải trình;

b) Thành viên Thường trực HĐND, đại biểu HĐND tham dự nêu yêu cầu giải trình;

c) Người giải trình có trách nhiệm giải trình vấn đề được yêu cầu;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên giải trình phát biểu ý kiến;

đ) Chủ tọa tóm tắt nội dung phiên giải trình, dự kiến kết luận vấn đề được giải trình.

Thường trực HĐND xem xét, thông qua kết luận vấn đề được giải trình; kết luận được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Thường trực HĐND biểu quyết tán thành.

Kết luận của Thường trực HĐND được gửi đến đại biểu HĐND, người được yêu cầu giải trình và cơ quan, tổ chức có liên quan.

5. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực HĐND xã; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực HĐND xã báo cáo HĐND xã xem xét, quyết định.

### **Điều 33. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân**

1. Thường trực HĐND xã giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát hoặc giao cho các Ban của HĐND xã giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại địa phương.

2. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu

cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã và báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực HĐND xã trong thời hạn 07 ngày và các Ban của HĐND xã trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

#### **Điều 34. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri**

1. Thường trực HĐND xã có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trình HĐND xã.

2. UBND xã báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

Báo cáo của UBND xã về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được các Ban của HĐND xã thẩm tra theo sự phân công của Thường trực HĐND xã.

3. Thường trực HĐND xã xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

a) Đại diện UBND xã hoặc cơ quan trực thuộc UBND xã được UBND xã ủy quyền trình bày báo cáo;

b) Cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

d) Thường trực HĐND xã thảo luận;

đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

4. Thường trực HĐND xã chỉ đạo xây dựng báo cáo đánh giá giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND xã.

5. Đại biểu HĐND xã khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, có trách nhiệm nghiên cứu và chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để xem xét, giải quyết; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết, đồng thời thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết.

6. Trong thời hạn do pháp luật quy định, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu HĐND biết kết quả giải quyết; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết, đại biểu HĐND xã có quyền gặp người có thẩm quyền giải quyết hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết để yêu cầu giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

#### **Điều 35. Giám sát chuyên đề**

1. HĐND, Thường trực HĐND xã thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình giám sát hằng năm.

2. Các Ban của HĐND xã thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm hoặc qua giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc được HĐND, Thường trực HĐND xã giao.

### **Điều 36. Quy trình giám sát chuyên đề**

#### **1. Thành lập Đoàn giám sát**

a) HĐND, Thường trực HĐND xã ra nghị quyết hoặc quyết định thành lập Đoàn giám sát của HĐND, Thường trực HĐND xã do Chủ tịch HĐND hoặc Phó Chủ tịch HĐND xã làm Trưởng đoàn theo đề nghị của Thường trực HĐND xã.

b) Thường trực HĐND xã ra quyết định thành lập Đoàn giám sát của các Ban của HĐND xã do Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban làm Trưởng đoàn theo đề nghị của các Ban của HĐND xã.

c) Quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

d) Thành viên đoàn giám sát gồm: Ủy viên của Thường trực HĐND xã, đại diện Ban của HĐND xã và một số đại biểu HĐND xã. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia Đoàn giám sát khi có vấn đề liên quan.

#### **2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát**

a) Xây dựng đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo;

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày Đoàn giám sát tiến hành làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;

đ) Xem xét, xác minh, mời tham vấn các cơ quan, chuyên môn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết;

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền

và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

g) Trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát

- Đối với giám sát chuyên đề của HĐND xã: Khi kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để HĐND xã xem xét tại kỳ họp gần nhất. Trước khi báo cáo HĐND xã, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực HĐND xã về kết quả giám sát.

- Đối với giám sát chuyên đề hoặc khảo sát của Thường trực HĐND xã: Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Thường trực HĐND xã xem xét, quyết định. Thường trực HĐND xã có trách nhiệm báo cáo HĐND xã về hoạt động giám sát của mình vào kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm.

- Đối với giám sát chuyên đề của Ban của HĐND xã: Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát phải báo cáo kết quả giám sát với Ban của HĐND xã để thảo luận, thống nhất báo cáo Thường trực HĐND xã.

3. Xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát

a) HĐND xã xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau:

- Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát, khảo sát;  
- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, khảo sát báo cáo, giải trình;

- HĐND xã thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan;

- HĐND xã ra nghị quyết về vấn đề được giám sát, khảo sát. Nội dung nghị quyết giám sát chuyên đề có những nội dung cụ thể như sau:

- Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân hạn chế, bất cập liên quan đến chuyên đề giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian khắc phục hạn chế, bất cập;

- Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết giám sát chuyên đề được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Thường trực HĐND xã

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, khảo sát, Thường trực HĐND xã có trách nhiệm xem xét báo cáo theo trình tự sau đây:

- Trưởng Đoàn giám sát, khảo sát trình bày báo cáo;

- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, khảo sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

- Thường trực HĐND xã thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát, khảo sát có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;

- Chủ tọa cuộc họp kết luận. Kết luận của Thường trực HĐND xã được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, khảo sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Thường trực HĐND xã có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND xã đề nghị HĐND xã xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

#### c) Ban của HĐND xã

Căn cứ vào tính chất, nội dung của vấn đề được giám sát, khảo sát, các Ban tổ chức phiên họp để xem xét, thảo luận về báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

- Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;

- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

- Thành viên các Ban của HĐND và đại biểu thảo luận;

- Chủ tọa phiên họp kết luận; Ban của HĐND biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

Báo cáo kết quả giám sát của các Ban HĐND xã phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết; phải được gửi đến Thường trực HĐND, HĐND xã và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

### **Điều 37. Trách nhiệm giám sát thực hiện các kiến nghị sau giám sát**

1. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

2. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã có thể trình HĐND xã tại kỳ họp gần nhất về kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát của các cơ quan chức năng để HĐND xã xem xét, quyết định.

### **Điều 38. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND**

1. Trước phiên họp chất vấn, đại biểu HĐND ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực HĐND.

2. Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu HĐND, Thường trực HĐND đề nghị HĐND quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn.

3. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp HĐND được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu HĐND nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể;

b) Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu HĐND đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có);

c) Trường hợp đại biểu HĐND không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người bị chất vấn trả lời;

d) Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu HĐND về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

Thời gian nêu chất vấn, thời gian trả lời chất vấn được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐND và đại biểu HĐND.

4. HĐND cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:

a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp;

b) Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh;

c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu HĐND đã chất vấn, Thường trực HĐND trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu HĐND không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị HĐND đưa ra thảo luận tại kỳ họp HĐND hoặc kiến nghị HĐND xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

5. HĐND có thể ra nghị quyết về chất vấn. Nghị quyết về chất vấn có nội dung cơ bản sau đây:

a) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân liên quan đến vấn đề chất vấn;

b) Thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về chất vấn.

6. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của HĐND về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực HĐND để chuyển đến các đại biểu HĐND.

### **Điều 39. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực HĐND trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND**

1. Trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND, đại biểu HĐND ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực HĐND cùng cấp.

Căn cứ vào chương trình phiên họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu HĐND, Thường trực HĐND quyết định nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn, thời gian chất vấn.

2. Hoạt động chất vấn tại phiên họp Thường trực HĐND được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu HĐND nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể;

b) Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu HĐND đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có);

c) Trường hợp đại biểu HĐND không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người bị chất vấn trả lời;

d) Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu HĐND về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

Thời gian nêu chất vấn, thời gian trả lời chất vấn được thực hiện theo quy định của quy chế hoạt động của HĐND, đại biểu HĐND.

3. Thường trực HĐND cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong trường hợp sau đây:

a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại phiên họp;

b) Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh;

c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại phiên họp nhưng chưa được trả lời tại phiên họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu HĐND đã chất vấn, Thường trực HĐND trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu HĐND không đồng ý với nội dung trả lời thì có quyền đề nghị Thường trực HĐND đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực HĐND hoặc kiến nghị Thường trực HĐND, HĐND xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

#### **Điều 40. Chất vấn của đại biểu HĐND**

1. Đại biểu HĐND có quyền chất vấn trực tiếp tại kỳ họp HĐND, phiên họp Thường trực HĐND hoặc gửi chất vấn bằng văn bản đến Chủ tịch UBND, thành viên khác của UBND, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND xã.

2. Nội dung chất vấn phải cụ thể, rõ ràng, có căn cứ và phải liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn.

3. Trình tự, thủ tục chất vấn của đại biểu HĐND tại kỳ họp HĐND, phiên họp Thường trực HĐND được thực hiện theo quy định tại Điều 38, Điều 39 Quy chế này.

## Chương VIII

### MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỌND XÃ

**Điều 41. Mối Quan hệ công tác giữa HỌND xã với Thường trực HỌND tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân tỉnh trên địa bàn xã**

1. Các đại biểu Hội đồng nhân tỉnh ứng cử trên địa bàn xã được mời tham dự các kỳ họp của HỌND xã và có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của HỌND xã.

2. HỌND xã cử đại biểu HỌND xã tham gia hoạt động giám sát của Thường trực và các Ban HỌND tỉnh thực hiện trên địa bàn xã khi được mời.

3. HỌND xã phối hợp với HỌND tỉnh tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong xã chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền ở tỉnh giải quyết; thông tin tới cử tri về nội dung trả lời, kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

4. HỌND xã có trách nhiệm gửi Nghị quyết đã ban hành đến Thường trực HỌND tỉnh chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký. Thường trực HỌND xã định kỳ báo cáo công tác (tháng, quý, 6 tháng, 01 năm) và các nội dung khác đến Thường trực HỌND tỉnh.

**Điều 42. Mối quan hệ công tác giữa HỌND xã với Đảng ủy xã**

1. HỌND xã chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy xã đối với hoạt động của HỌND xã; báo cáo Đảng ủy xã về kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ thuộc thẩm quyền của HỌND xã; báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HỌND xã bầu và báo cáo về những hoạt động quan trọng của HỌND xã.

2. Thông qua hoạt động của mình, HỌND xã kiến nghị với Đảng ủy xã về những nội dung quan trọng cần lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết của Đảng ủy xã về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và các nội dung liên quan đến công tác cán bộ.

**Điều 43. Mối quan hệ giữa Thường trực HỌND, các Ban HỌND xã với UBND, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã và Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy**

1. Thường trực HỌND, các Ban của HỌND xã thường xuyên phối hợp chặt chẽ với UBND xã trong việc chuẩn bị dự kiến chương trình làm việc của các kỳ họp, các báo cáo, đề án trình HỌND xã; phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện Nghị quyết của HỌND xã; nội dung phát sinh giữa hai kỳ họp về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của xã và một số nội dung khác; theo dõi, giám sát việc tổ chức triển khai và thực hiện Nghị quyết của HỌND xã, thực hiện chức năng giám sát, khảo sát UBND xã và các ngành liên quan khác trong việc thực hiện Nghị quyết HỌND xã theo luật định.

- Thường trực HỌND xã được mời dự các cuộc họp hàng tháng của UBND xã bàn về việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, ngân sách địa phương và các nhiệm vụ khác liên quan đến HỌND xã.

- Đại diện UBND xã được mời dự các cuộc họp hàng tháng và các cuộc họp khác của Thường trực HĐND xã khi xét thấy cần thiết. Đại diện UBND, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND xã được mời dự các cuộc họp của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã về những vấn đề liên quan.

- Các Ban của HĐND xã được mời dự các cuộc họp của UBND, các cơ quan thuộc UBND xã về những vấn đề có liên quan trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh thuộc thẩm quyền của Ban.

2. Thường trực HĐND xã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác trong tổ chức triển khai và thực hiện nhiệm vụ của HĐND theo quy định của pháp luật. Trong kỳ họp thường lệ của HĐND xã, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã báo cáo về hoạt động của Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền, về những ý kiến, kiến nghị của Mặt trận đối với HĐND, UBND và đại biểu HĐND xã; gửi báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội cho Thường trực HĐND xã (nếu có) chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Đại diện Thường trực HĐND xã được mời dự cuộc họp của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã.

- Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận xã tham gia các hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã khi xét thấy cần thiết.

3. Thường trực HĐND xã phối hợp chặt chẽ với Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm Nhân dân quan tâm theo Quyết định số 238-QĐ/TW ngày 30/9/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII).

**Điều 44. Trách nhiệm của UBND xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã; các đơn vị, tổ chức liên quan trong quan hệ công tác với Thường trực HĐND, các Ban HĐND và Tổ đại biểu HĐND xã**

1. Xây dựng các báo cáo, đề án trình tại kỳ họp HĐND xã đảm bảo yêu cầu chất lượng và thời gian quy định; gửi báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh định kỳ hàng tháng, quý, năm và các báo cáo liên quan theo yêu cầu của Thường trực HĐND xã theo Luật định.

2. Tham gia các đoàn giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND xã về các vấn đề có liên quan khi có yêu cầu.

3. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cho Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND xã khi có yêu cầu.

4. Tạo điều kiện thuận lợi cho các Đoàn giám sát của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND xã chủ trì hoàn thành nhiệm vụ.

5. Trả lời bằng văn bản các yêu cầu của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND xã khi được yêu cầu. Trong quá trình phối hợp hoạt động, các văn bản của Ủy ban nhân dân xã cần có sự thống nhất của Thường trực

HĐND xã, phải được gửi sớm theo luật định để tạo sự thống nhất cao trong chỉ đạo điều hành thực hiện.

6. Thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết HĐND xã đã ban hành.

## **Chương IX**

### **ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND XÃ**

**Điều 45. Trụ sở làm việc và cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐND xã**

1. HĐND xã có trụ sở làm việc riêng (Trong khuôn viên làm việc của UBND xã).
2. Văn phòng HĐND và UBND xã là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ các hoạt động của HĐND xã. Văn phòng HĐND và UBND xã thừa lệnh Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND xã ký một số văn bản hành chính của Thường trực HĐND xã theo quy định.
3. HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND xã sử dụng con dấu của HĐND xã trong các văn bản của mình.

**Điều 46. Kinh phí hoạt động của HĐND xã**

1. Kinh phí hoạt động của HĐND xã do ngân sách xã bảo đảm; do Thường trực HĐND trình HĐND xã quyết định trong ngân sách hằng năm của địa phương. Việc sử dụng kinh phí hoạt động của HĐND được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Thường trực HĐND xã chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND xã đảm bảo các điều kiện tổ chức, hoạt động và các chế độ theo quy định của pháp luật đối với các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã.

**Điều 47. Chế độ, chính sách, khen thưởng**

1. Đại biểu của HĐND xã được hưởng các chế độ, chính sách do pháp luật quy định; được cấp và sử dụng phù hiệu đại biểu HĐND xã.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.
3. Thường trực HĐND xã hướng dẫn chi tiết công tác thi đua, khen thưởng của HĐND xã theo quy định.
4. UBND xã có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện việc khen thưởng cho các đối tượng trên theo quy định hiện hành.

## **Chương X**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 48. Tổ chức thực hiện**

HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND xã, đại biểu HĐND xã, UBND xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Thường trực HĐND xã chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

**Điều 49. Sửa đổi, bổ sung**

1. Trong trường hợp các quy định của Trung ương, tỉnh về tổ chức, hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND xã có thay đổi thì thực hiện theo quy định mới của Trung ương, của tỉnh.
2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này nếu có khó khăn, vướng mắc, Thường trực HĐND xã kịp thời báo cáo HĐND điều chỉnh, bổ sung.

